Tạp chí Kinh tế và Dự báo Online
Economy & Forecast Review
VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

e-ISSN: 2734-9365

Thực trạng phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam

16:39 | 19/09/2024

EFR *Qua phân tích thực trạng khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam, bài viết đưa ra các kiến nghị giải pháp phát triển trong thời gian tới.*

ThS. Nguyễn Trường An

Khoa Kinh tế - Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Tóm tắt

Trong những năm qua, kinh tế tư nhân Việt Nam có đóng góp rất quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, khu vực này vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển. Bài viết này nghiên cứu đánh giá thực trạng hoạt động của khu vực doanh nghiệp thuộc kinh tế tư nhân Việt Nam, từ đó đưa ra các kiến nghị giải pháp phát triển trong thời gian tới.

Từ khóa: *kinh tế tư nhân, Việt Nam, thực trạng phát triển*

Summary

Over the years, the Vietnamese private economy has significantly contributed to the country's socio-economic development. However, this sector has faced many difficulties and challenges. This article studies and evaluates the current state of operations of the private economic enterprise sector in Vietnam, thereby proposing solutions for development in the coming time.

Keywords: *private economy, Vietnam, current state of development*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam, khu vực kinh tế tư nhân đã và đang có vai trò ngày càng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các ngành nghề, lĩnh vực. Do đó, qua các kỳ đại hội, các nghị quyết của Đảng đều tiếp tục khẳng định và nhấn mạnh vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Mặt dù vậy, khu vực kinh tế tư nhân vẫn còn nhiều yếu kém, thách thức trong quá trình phát triển, cần thực hiện một số giải pháp để khu vực này thực sự trở thành nền tảng của kinh tế Việt Nam.

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM

Về số lượng doanh nghiệp

Giai đoạn 2018-2022, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh thuộc khu vực kinh tế tư nhân (doanh nghiệp ngoài nhà nước) luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất và có xu hướng tăng. Năm 2022, tổng số doanh nghiệp thực tế đang hoạt động trong các khu vực kinh tế là 735.455 doanh nghiệp, trong đó, khu vực ngoài nhà nước có 710.664 doanh nghiệp, chiếm 96,63% tổng số doanh nghiệp. So với năm 2018, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng gấp 1,2 lần, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2018-2022 là 4,74%/năm (Bảng 1).

Bảng 1: Số lượng doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam giai đoạn 2018-2022

Đơn vị: Doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tốc độ tăng bình quân (%)
Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh	610.637	668.503	684.260	718.697	735.455	

Doanh nghiệp ngoài nhà nước	591.499	647.632	660.055	694.181	710.664	104,74
Cơ cấu (%)	*96,86*	*96,88*	*96,46*	*96,59*	*96,63*	

Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023 và tính toán của tác giả

Về quy mô vốn sản xuất, kinh doanh

Vốn sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam đều tăng dần qua các năm, trong đó vốn sản xuất, kinh doanh của khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng lớn với tốc độ tăng trưởng vốn bình quân giai đoạn 2018-2022 là 12,71%. Vốn sản xuất, kinh doanh của khu vực này tăng từ 20.669,7 nghìn tỷ đồng năm 2018 lên tới 33.325,1 nghìn tỷ đồng năm 2022, tăng hơn 1,6 lần sau 5 năm (Bảng 2).

Bảng 2: Quy mô vốn sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam giai đoạn 2018-2022

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng

Chỉ tiêu	**Năm 2018**	**Năm 2019**	**Năm 2020**	**Năm 2021**	**Năm 2022**	**Tốc độ tăng bình quân (%)**
Tổng vốn sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp	36.814,5	41.074,8	46.252,7	50.904,8	56.122,0	111,12
Doanh nghiệp ngoài nhà nước	20.669,7	24.204,6	27.095,8	30.193,0	33.325,1	112,71
Tỷ trọng (%)	56,15	58,93	58,58	59,31	59,38	

Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023 và tính toán của tác giả

Về tài sản cố định và đầu tư dài hạn

Sự phát triển của doanh nghiệp kéo theo sự đầu tư vào tài sản cố định và đầu tư dài hạn. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp ngoài nhà nước đều tăng dần qua các năm với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2018-2022 là 8,34%. Nếu như năm 2018, tài sản cố định và đầu tư dài hạn bình quân/doanh nghiệp ngoài nhà nước là 13,37 tỷ đồng/doanh nghiệp, thì đến năm 2022 tăng lên 15,32 tỷ đồng/doanh nghiệp. So với tài sản cố định và đầu tư dài hạn bình quân/doanh nghiệp của cả nước, thì tài sản cố định và đầu tư dài hạn của các doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm từ 57,48%-63,72% (Bảng 3). Quy mô tài sản khá lớn và tác động nhiều đến quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân.

Bảng 3: Quy mô tài sản cố định và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam giai đoạn 2018-2022

Chỉ tiêu	**Năm 2018**	**Năm 2019**	**Năm 2020**	**Năm 2021**	**Năm 2022**	**Tốc độ tăng bình quân (%)**
Tổng tài sản cố định và đầu tư dài hạn của các doanh nghiệp Việt Nam (nghìn tỷ đồng)	14.122,6	15.121,9	15.541,9	16.714,8	17.752,4	105,90
Doanh nghiệp ngoài nhà nước (nghìn tỷ đồng)	7.909,6	8.420,9	9.324,2	10.287,8	10.886,3	108,34
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn bình quân/doanh nghiệp (tỷ đồng)	23,13	22,62	22,71	23,26	24,14	-
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn bình quân/doanh nghiệp ngoài nhà nước (tỷ đồng)	13,37	13,00	14,13	14,82	15,32	-

So sánh (%)		57,82	57,48	62,19	63,72	63,46	-

Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023 và tính toán của tác giả

Về doanh thu thuần của doanh nghiệp

Bảng 4: Doanh thu thuần của doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam giai đoạn 2018-2022

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Doanh nghiệp ngoài nhà nước	Nghìn tỷ đồng	13.410,60	15.127,50	15.782,30	17.577,90	20.677,40
Doanh thu thuần bình quân/doanh nghiệp ngoài nhà nước	Tỷ đồng	22,67	23,36	23,91	25,32	29,10
Doanh thu thuần bình quân vốn sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp ngoài nhà nước	Tỷ đồng	0,649	0,625	0,582	0,582	0,620

Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023 và tính toán của tác giả

Bảng 4 cho thấy, doanh thu thuần của doanh nghiệp ngoài nhà nước có sự biến động theo chiều hướng tăng dần. Cụ thể, năm 2018, doanh thu thuần đạt 13.410,6 nghìn tỷ đồng, đến năm 2022 đạt 20.677,4 nghìn tỷ đồng, tăng 7.266,8 nghìn tỷ đồng, tương ứng với 54,19% so với năm 2018. Doanh thu thuần bình quân của doanh nghiệp ngoài nhà nước cũng tăng từ 22,67 tỷ đồng năm 2018 lên 29,10 tỷ đồng năm 2022, tương ứng tăng 28,36%. Tuy nhiên, xét trên phương diện sử dụng vốn sản xuất, kinh doanh, doanh thu thuần bình quân vốn sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp ngoài nhà nước có xu hướng giảm. Cụ thể, doanh thu thuần bình quân vốn sản xuất, kinh doanh năm 2018 đạt 0,649 tỷ đồng. Giai đoạn 2019-2021 lại giảm đáng kể, đến năm 2022 có cải thiện song vẫn thấp hơn năm 2018. Điều này cho thấy, trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, việc sử dụng vốn của khu vực doanh nghiệp này chưa thực sự hiệu quả.

Về lợi nhuận

Bảng 5 cho thấy, lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp ngoài nhà nước có xu hướng tăng từ năm 2018 đến năm 2022. Tuy vậy, lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng thấp trong tổng số lợi nhuận của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, mặc dù khu vực doanh nghiệp này chiếm tỷ lệ đông đảo.

Bảng 5: Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam giai đoạn 2018-2022

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1. Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp	***895.560***	***889.934***	***953.998***	***1.276.847***	***1.459.702***
Doanh nghiệp nhà nước	190.357	206.287	194.983	260.193	348.324
Tỷ trọng (%)	21,26	23,18	20,44	20,38	23,86
Doanh nghiệp ngoài nhà nước	323.637	277.624	295.904	492.367	555.211
Tỷ trọng (%)	36,14	31,20	31,02	38,56	38,04
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	381.566	406.023	463.111	524.287	556.168
Tỷ trọng (%)	42,61	45,62	48,54	41,06	38,10
Lợi nhuận bình quân/1 doanh nghiệp	1,467	1,331	1,394	1,777	1,985

Lợi nhuận bình quân/1 doanh nghiệp ngoài nhà nước	0,547	0,429	0,448	0,709	0,781
2. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của doanh nghiệp	***3,79%***	***3,38%***	***3,48%***	***4,20%***	***4,06%***
Doanh nghiệp Nhà nước	5,58%	5,76%	5,67%	7,70%	8,08%
Doanh nghiệp ngoài nhà nước	2,41%	1,84%	1,87%	2,80%	2,69%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	5,60%	5,33%	5,68%	5,55%	5,07%

Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023 và tính toán của tác giả

Năm 2019-2020, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm so với năm 2018. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, các doanh nghiệp ngoài nhà nước gặp nhiều khó khăn, thách thức, có nhiều doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động sản xuất, kinh doanh và thậm chí rút ra khỏi ngành hoặc giải thể. Giai đoạn năm 2021-2022, kinh tế Việt Nam phục hồi, về cơ bản đã vượt qua những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, lấy lại đà tăng trưởng vốn có. Tuy vậy, lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân vẫn khá thấp so với lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung. Tỷ suất lợi nhuận của khối doanh nghiệp tư nhân thấp gây bất lợi cho việc nâng cao khả năng cạnh tranh và sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP

Nhìn chung, doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam đã có sự phát triển nhất định cả về số lượng và chất lượng, đóng góp cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Tuy nhiên, về tổng thể, quy mô và tỷ lệ đóng góp còn chưa tương xứng với sự phát triển đông đảo về số lượng doanh nghiệp đang hoạt động, còn thấp so với tổng thể các doanh nghiệp Việt Nam. Điều này chỉ ra rằng, các doanh nghiệp tư nhân với quy mô nhỏ lẻ khó có khả năng cạnh tranh so với các loại hình doanh nghiệp khác, đặc biệt so với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Nguyên nhân là do, các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam hiện nay hoạt động và phát triển chủ yếu dựa vào vốn và lao động, hệ thống máy móc thiết bị, năng lực đổi mới công nghệ sản xuất lạc hậu, đầu tư của doanh nghiệp cho đổi mới công nghệ chỉ chiếm 0,3% doanh thu, thấp hơn nhiều so với các nước như Ấn Độ (5%), Hàn Quốc (10%)… (Trần Thị Hoa, 2022). Công nghệ lạc hậu dẫn đến năng suất lao động không cao, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường thấp.

Bên cạnh đó, khối doanh nghiệp tư nhân luôn ở trong tình trạng thiếu hụt nguồn vốn và dòng tiền kinh doanh, khó khăn trong tiếp cận vốn tín dụng, các gói chính sách hỗ trợ giảm lãi suất ngân hàng và giãn thời gian cho vay. Trong khi nguồn lực hỗ trợ từ Nhà nước khá ngặt nghèo, thì việc tự lực để tiếp cận nguồn tài chính ngân hàng cũng không thuận lợi và dễ dàng.

Ngoài ra, trình độ quản lý của các chủ doanh nghiệp còn hạn chế, chỉ có một bộ phận nhỏ được đào tạo qua trường lớp chính quy về quản trị doanh nghiệp hay quản lý về kinh tế chung. Chính vì quản lý và điều hành dựa vào kinh nghiệm được tích lũy, chưa qua đào tạo và không có bằng cấp chuyên môn, nên các chủ doanh nghiệp tư nhân khó khăn trong việc cạnh tranh. Đó là chưa kể, đội ngũ lao động của doanh nghiệp còn thiếu nhân lực giỏi, thiếu năng lực trong đổi mới sáng tạo và khó tiếp thu được tiến bộ khoa học kỹ thuật, năng suất lao động không cao.

Để đưa các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tác giả đưa ra một số kiến nghị sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện thể chế, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính theo hướng hiện đại và hội nhập, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân. Hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút đầu tư tư nhân và bảo đảm hoạt động của kinh tế tư nhân phát triển. Bên cạnh đó, cần mở rộng khả năng tham gia thị trường và thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng. Có chính sách ưu tiên thu hút đối với các dự án đầu tư có công nghệ cao từ nước ngoài, gắn với yêu cầu chuyển giao và lan tỏa rộng rãi công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị với các doanh nghiệp tư nhân trong nước.

Hai là, hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ và nâng cao năng suất lao động (Vuong và Nguyen, 2024). Khuyến khích tạo mọi cơ hội hỗ trợ mạnh mẽ doanh nghiệp tư nhân ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số vào sản xuất, kinh doanh thông qua các biện pháp miễn giảm thuế, phí, hỗ trợ mặt bằng sản xuất, kinh doanh. Đặc biệt, cần tập trung hỗ trợ có hiệu quả cho hai nhóm doanh nghiệp là doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Ba là, đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, nhất là đào tạo nghề. Đào tạo, đào tạo lại, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho khu vực kinh tế tư nhân, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng đủ nhu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế tư nhân. Tăng cường hợp tác, liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo; quy hoạch và phát triển đào tạo theo nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp và thị trường.

Bốn là, cơ cấu lại và phát triển nhanh, an toàn, hiệu quả các thị trường tài chính, nhất là thị trường tiền tệ và thị trường vốn, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn vốn ngân hàng và nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước.

Năm là, cộng đồng doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân cần đoàn kết, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau. Chủ động duy trì và phát triển theo hướng đổi mới tư duy, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn; nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý; ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, xây dựng uy tín, thương hiệu để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Hoa (2022), Thực trạng và giải pháp phát triển thành phần kinh tế tư nhân, *Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ,* số 4, tháng 3/2022.

2. Nguyễn Văn Hùng (2023), Thực trạng hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 01+02, tháng 01/2023.

3. Tổng cục Thống kê (2024), *Niên giám Thống kê 2023*, Nxb Thống kê.

4. Lê Quốc (2023), Giải pháp phát triển doanh nghiệp tư nhân Việt Nam, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 1 tháng 7/2023.

5. Vuong, Q. H., Nguyen, M. H. (2024). *Better Economics for the Earth: A Lesson from Quantum and Information Theories.* AISDL.

Ngày nhận bài: 05/8/2024; Ngày phản biện: 30/8/2024; Ngày duyệt đăng: 19/9/2024

URL: https://kinhtevadubao.vn/thuc-trang-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-o-viet-nam-29803.html